TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **124**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 25/7/2023
"V/v: Ly hôn và nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Thanh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Tiến Dũng
2. Ông Đỗ Văn Dược

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Cảnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Thắm, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023, tại Hội trường xét xử trụ sở Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 953/295/2023/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 4 năm 2023, về việc: "Ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm M, sinh năm 1974;
Địa chỉ: Buôn K, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.
Bị đơn: Bà Trần Thị C, sinh năm 1974;
Địa chỉ: Buôn K, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;
Địa chỉ liên hệ: Số 60 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn ông Phạm M trình bày có nội dung như sau:

Ông Phạm M và bà Trần Thị C tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường Thống N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ngày 22/8/2000.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung, dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, hiện vợ chồng đã sống ly thân. Nay ông M xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông M được ly hôn với bà C.

- Về con chung: Ông M và bà C có 03 con chung là Phạm Trần Thục T, sinh ngày 07/03/1999; Phạm Trần Trung N, sinh ngày 31/8/2000 và Phạm Trần Châu U, sinh ngày 15/4/2006. Hiện các con chung là Phạm Trần Thục T và Phạm Trần Trung N đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay ông M không có nơi ở và công việc ổn định nên sau khi ly hôn ông M đồng ý để cho bà C được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu U cho đến khi đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông M tự nguyện hằng tháng có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu U mỗi tháng số tiền 1.000.000đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7/2023 cho đến khi cháu U đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Ông M tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí.

**** Tại phiên tòa, biên bản lấy lời khai bà Trần Thị C trình bày:***

Qua lời trình bày của ông M về quan hệ hôn nhân, về con chung thì bà C xác định là đúng.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Nguyên nhân chủ yếu là vợ chồng không có tiếng nói chung, do làm ăn kinh tế thất bát, dẫn đến nợ nần về kinh tế, nên dẫn đến vợ chồng xảy ra xo xát và cãi nhau. Sau đó thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh căng thẳng, hiện vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2023 cho đến nay. Nay ông M yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà C thì quan điểm của bà C mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái, không muốn ly hôn. Trong trường hợp, ông M kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà C thì bà C đồng ý ly hôn để giải thoát cho ông M.

- Về con chung: Ông M và bà C có 03 con chung là là Phạm Trần Thục T, sinh ngày 07/03/1999; Phạm Trần Trung N, sinh ngày 31/8/2000 và Phạm Trần Châu U, sinh ngày 15/4/2006. Hiện các con chung là Phạm Trần Thục T và Phạm Trần Trung N đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, bà C đồng ý để cho ông M được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu U cho đến khi đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử của Thẩm phán và tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm M xin ly hôn bà Trần Thị C.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm M được ly hôn với bà Trần Thị C.

Về con chung: Giao cháu Phạm Trần Châu U, sinh ngày 15/4/2006 cho bà Trần Thị C được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Con chung là Phạm Trần Thục T, sinh ngày 07/03/1999; Phạm Trần Trung N, sinh ngày 31/8/2000 đã đủ 18 tuổi nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Phạm M có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông M tự nguyện hằng tháng có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu U mỗi tháng số tiền 1.000.000đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7/2023 cho đến khi cháu U đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông M, bà C không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn ông Phạm M phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn, nguyên đơn đều cư trú và sinh sống tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Ông M, bà C lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ngày 22/8/2000, là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, thì vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không có tiếng nói chung, vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, hiện vợ chồng đã sống ly thân. Nay ông M xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông M được ly hôn với bà C.

Tại biên bản xác minh của Tòa án chính quyền địa phương thể hiện về mâu thuẫn vợ chồng giữa ông M, bà C cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm được, địa phương chỉ biết hiện vợ chồng đã sống ly thân.

Xét mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa ông M, bà C đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân thì không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông M là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Hiện các con chung là Phạm Trần Thục T, sinh ngày 07/03/1999; Phạm Trần Trung N, sinh ngày 31/8/2000 đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện con chung là Phạm Trần Châu U, sinh ngày 15/4/2006 đang sống cùng bà C và do bà C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tại bản tự khai nguyện vọng của cháu U khi bố mẹ ly hôn là muốn sống cùng với bố là ông M. Tuy nhiên, hiện nay ông M không có chỗ ở và công việc ổn định nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung và để ổn định cuộc sống, hộ tập của con chung nên cần giao cháu Phạm Trần Châu U cho bà Trần Thị C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp.

Ông Phạm M có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Phạm M tự nguyện hằng tháng có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu U mỗi tháng số tiền 1.000.000đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7/2023 cho đến khi cháu U đủ 18 tuổi.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Ông M, bà C không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

[5]. Về án phí: Ông Phạm M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm M xin ly hôn bà Trần Thị C.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm M được ly hôn bà Trần Thị C.

Về con chung: Giao cháu Phạm Trần Châu U, sinh ngày 15/4/2006 cho ông Phạm M được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Các con chung là Phạm Trần Thục T, sinh ngày 07/03/1999; Phạm Trần Trung N, sinh ngày 31/8/2000 đã đủ 18 tuổi nên không đặt ra yêu cầu tòa án giải quyết.

Bà Trần Thị C có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông M tự nguyện hằng tháng có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Trần Châu U mỗi tháng số tiền 1.000.000đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7/2023 cho đến khi cháu U đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông M, bà C không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

Về án phí: Ông Phạm M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000đồng tiền án phí dân sự phần cấp dưỡng nuôi con chung, tổng cộng là 600.000đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà ông M đã nộp (Hồ Thị

Phương A nộp thay) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2022/0001701 ngày 07/4/2023. Ông Phạm M còn phải nộp số tiền 300.000đồng.

Đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niếm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thị hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TA tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND TP. BMT;*
- *CCTHADS TP. B;*
- *UBND P. T, TP. B;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: HS + VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Đình Thanh